

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung, cấp
dưỡng nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Quốc.

2. Bà Lương Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 07/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2023/TLST- HNGĐ ngày 07/4/2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 20/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vừ Thị D**; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Bản P, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Giàng A S**; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Bản P, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2023 và bản tự khai tại Toà án nhân dân huyện Thuận Châu. Nguyên đơn chị Vừ Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Giàng A S kết hôn với nhau từ ngày 25/12/2015 tại UBND xã Bản B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh S chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do không hợp tính, khác biệt quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, đã ly thân từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay. Chị D nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho chị được ly hôn anh Giàng A S.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh S có hai con chung: Cháu Giàng Thị Phương L, sinh ngày 25/9/2013 và cháu Giàng Đức H, sinh ngày 17/11/2015. Chị đề nghị để cho anh Giàng A S được

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu. Chị nhận cấp dưỡng 1 lần nuôi 02 cháu số tiền là 15.000.000 đồng và đã giao cho anh Giàng A S.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- **Về tài sản riêng:** Không có.
- **Về nợ chung:** Không có.

*** Tại bản tự khai bị đơn Anh Giàng A S trình bày:**

Về tình cảm: Anh Giàng A S và chị Vũ Thị D kết hôn với nhau từ kết hôn với nhau từ ngày 25/12/2015 tại UBND xã Bản B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Về nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị D khai, anh nhất trí ly hôn với chị Vũ Thị D.

Về con chung: Anh, chị có hai con chung: Cháu Giàng Thị Phương L, sinh ngày 25/9/2013; Cháu Giàng Đức H, sinh ngày 17/11/2015. Anh Giàng A S đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu. Anh đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 120.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên hòa giải chị Vũ Thị D và anh Giàng A S đã thống nhất:**

Về hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Giàng A S nhất trí thuận tình ly hôn.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị D và anh Giàng A S nhất trí có tài sản chung và thống nhất về giá trị tài sản gồm:

- Tài sản anh S đang giữ: 01 xe máy HONDA 24.000.000 đồng; 01 tủ lạnh 3.000.000 đồng; 01 bình đựng nước 2.000.000 đồng; 04 cuộn dáo sắt 2.400.000 đồng.

- Tài sản chị D đang giữ: 01 xe máy Airblade 20.000.000 đồng; 01 máy tính 6.000.000 đồng, 01 máy in 2.900.000 đồng, 01 giường 2.000.000 đồng.

Về tài sản riêng: Chị D có 15.000.000 đồng đã giao cho anh S.

Về nợ chung: Không có.

*** Tại phiên hòa giải chị Vũ Thị D và anh Giàng A S không thống nhất:**

Về con chung: Chị Vũ Thị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 02 cháu Giàng Thị Phương L và cháu Giàng Đức H. Không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Giàng A S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 02 cháu Giàng Thị Phương L và cháu Giàng Đức H. Yêu cầu chị Vũ Thị D phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 120.000 đồng/tháng mỗi cháu.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Giàng A S yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Ngày 18/5/2023 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu anh S cung cấp chứng cứ, chứng minh vợ chồng anh chị có khối tài sản chung đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên anh S đã không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Ngày 18/5/2023 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản. Tuy nhiên đã hết thời hạn 7 ngày anh S đã không cung cấp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

*** Tại phiên tòa chị Vũ Thị D và anh Giàng A S đã thống nhất:**

Về hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Giàng A S nhất trí thuận tình ly hôn.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị D và anh Giàng A S nhất trí tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị D có 15.000.000 đồng đã giao cho anh S.

Về nợ chung: Không có.

*** Tại phiên tòa chị Vũ Thị D và anh Giàng A S không thống nhất:**

Về con chung: Chị Vũ Thị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu Giàng Thị Phương L và cháu Giàng Đức H. Không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Chị đề nghị anh S trả lại tiền cấp dưỡng 1 lần là 15.000.000 đồng đã giao cho anh S. Không nhất trí cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 120.000 đồng/tháng.

Trong trường hợp Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con chung, nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Giàng Thị Phương L. Chị nhất trí để anh Giàng A S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Giàng Đức H. Chị nhất trí cấp dưỡng 1 lần nuôi cháu Giàng Đức H số tiền là 15.000.000 đồng đã giao cho anh S. Không yêu cầu anh S cấp dưỡng cháu Giàng Thị Phương L.

Anh Giàng A S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu Giàng Thị Phương L và cháu Giàng Đức H. Yêu cầu chị Vũ Thị D phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 120.000 đồng/tháng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa chị Vũ Thị D, anh Giàng A S không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị Vũ Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều

35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa : Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng :

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn với anh Giàng A S.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao cháu Giàng Thị Phương L, sinh ngày 25/9/2013 và cháu Giàng Đức H, sinh ngày 17/11/2015 cho anh Giàng A S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Vũ Thị D phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 120.000 đồng/tháng/cháu. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chấp nhận việc chị D đưa số tiền là 15.000.000 đồng là tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản riêng:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết..

- *Về án phí:* Chị Vũ Thị D được miễn án phí theo quy định.

* *Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền giải quyết:** Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Vũ Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị D và Anh Giàng A S có đăng ký kết hôn từ ngày 25/12/2015 tại UBND xã Bản B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh S là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính, khác biệt quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Chị D và anh S đã ly thân từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S và chị D giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh S, anh S nhất trí ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị D ly hôn với anh S.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung: cháu Giàng Thị Phương L, sinh ngày 25/9/2013 và cháu Giàng Đức H, sinh ngày 17/11/2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị D và anh Giàng A S không thỏa thuận thống nhất được về người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị Vũ Thị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu Giàng Thị Phương L và cháu Giàng Đức H. Không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Chị đề nghị anh S trả lại tiền cấp dưỡng 1 lần là 15.000.000 đồng đã giao cho anh S. Không nhất trí cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 120.000 đồng/tháng.

Trong trường hợp Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con chung, nguyện vọng của chị là đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Giàng Thị Phương L. Chị nhất trí để anh Giàng A S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Giàng Đức H. Chị nhất trí tự nguyện cấp dưỡng 1 lần nuôi cháu Giàng Đức H số tiền là 15.000.000 đồng đã giao cho anh S. Không yêu cầu anh S cấp dưỡng cháu Giàng Thị Phương L.

Anh Giàng A S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu Giàng Thị Phương L và cháu Giàng Đức H. Yêu cầu chị Vũ Thị D phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 120.000 đồng/tháng.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đảm bảo quyền lợi của các con chưa thành niên. Tại phiên tòa anh, chị đều thừa nhận đều có thời gian chăm sóc, dạy dỗ, giáo dục, đều có tình cảm dành cho con từ trước đến nay luôn quan tâm, yêu thương các con, luôn tạo điều kiện về mọi mặt tốt nhất cho các con, xem xét chị D, anh S đều có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con hàng ngày. Căn cứ điều kiện hoàn cảnh thực tế anh S thừa nhận tại

phiên tòa là sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có việc làm, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp thu nhập thấp khoảng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/năm. Chị D hiện nay là giáo viên có việc làm, có thu nhập ổn định với mức lương 7.300.000 đồng/tháng và có thu nhập khác từ sản xuất nông nghiệp là 50.000.000 đồng/năm. Do đó việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu phát biểu đề nghị và anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu Giàng Thị Phương L, cháu Giàng Đức H, yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là không đảm bảo và không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý nhất là cháu Giàng Thị Phương L là bé gái cần sự chăm sóc của người mẹ nhằm bảo vệ quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em. Giao cháu Giàng Thị Phương L, sinh ngày 25/9/2013 cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Giàng Đức H, sinh ngày 17/11/2015 cho anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Việc chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng cháu Giàng Thị Phương L và nhất trí cấp dưỡng 1 lần nuôi cháu Giàng Đức H số tiền là 15.000.000 đồng đã giao cho anh S là có căn cứ cần được chấp nhận, hợp tình, hợp lý phù hợp quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn chị D, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Giàng A S rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản riêng: Chị Vũ Thị D, anh Giàng A S thừa nhận số tiền là 15.000.000 đồng chị D cấp dưỡng 1 lần nuôi con chung đã giao cho anh S đây là tài sản riêng của chị D. Anh S thừa nhận đang quản lý số tiền này.

[6]. Về nợ chung: Không có..

[7]. Về án phí: Chị Vũ Thị D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Vũ Thị D.

[8]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn với anh Giàng A S.

2. Về con chung: Xử giao cháu Giàng Thị Phương L, sinh ngày 25/9/2013 cho chị Vũ Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Xử giao cháu Giàng Đức H, sinh ngày 17/11/2015 cho anh Giàng A S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận việc chị Vũ Thị D tự nguyện cấp dưỡng 1 lần nuôi cháu Giàng Đức H số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), chị Vũ Thị D đã giao cho anh Giàng A S.

Anh Giàng A S không phải cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Thị Phương L.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Vũ Thị D.

5. Về quyền kháng cáo : Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã Bản B, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải

